

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2025/DS-PT

Ngày: 05-6-2025

V/v tranh chấp kiện đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Các Thẩm phán: Ông Bùi Đăng Huy, ông Phạm Anh Tuyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Hồng Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 26/2025/TLPT-DS ngày 25 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp kiện đòi tài sản; do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 56/2025/QĐXX-PT ngày 19 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1971; địa chỉ: Khu dân cư A, phường H, thị xã K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Đặng Văn C, Trần Thị Thanh L - Văn phòng L1, Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: Số F, phố T, phường Q, quận Đ, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Công P, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn B, xã C (nay là xã V), huyện K, tỉnh Hải Dương; có mặt.

- Người kháng cáo: Bị đơn Trần Công P và Nguyễn Thị C1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông H, bà H1 và vợ chồng ông P, bà C1 có mối quan hệ làm ăn buôn bán hàng nông sản cùng nhau hơn 10 năm. Thỉnh thoảng ông H, bà H1 có cho ông P, bà C1 vay tiền, không tính lãi. Các lần vay trước ông P, bà C1 đều trả đúng hạn, không có tranh chấp. Ngày 25/10/2021, ông P, bà C1 hỏi vay vợ ông H, bà H1 số tiền 600.000.000 đồng để làm ăn, còn sử dụng vào việc gì ông bà không nắm được. Do vợ chồng ông H có khoản tiền vay

của V nhưng chưa đến hạn phải trả, ông H, bà H1 đồng ý cho ông P, bà C1 vay số tiền trên trong thời hạn 3 tháng, lãi suất theo mức lãi suất của V là 0,81% (ông P, bà C1 trả lãi suất cho Ngân hàng thay cho vợ chồng ông H). Ngay sau khi thống nhất, ông H đã chuyển khoản số tiền 600.000.000 đồng từ tài khoản 108850999969 tại V1 của ông H đến tài khoản 230420507811 tại A của ông P. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông H đòi nhiều lần nhưng ông P, bà C1 không trả. Ông H, bà H1 có đơn tố giác hành vi của ông P, bà C1 đến công an xã C và Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh H. Quá trình xác minh giải quyết đơn, Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh H thông báo cho ông H, bà H1 được biết ông P, bà C1 là bị hại trong vụ án hình sự Nguyễn Thị H2 bị khởi tố về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà Cơ quan Cảnh sát điều tra công an tỉnh H đang điều tra; ông H, bà H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án do ông P, bà C1 khai dùng số tiền 600.000.000 đồng nhận từ ông H, bà P chuyển cho Nguyễn Thị H2. Tại Bản án hình sự số 69/2024/HS-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xác định khoản vay 600.000.000 đồng giữa ông H, bà H1 và ông P, bà C1 là giao dịch dân sự khác không liên quan đến bị cáo H2 nên không giải quyết trong vụ án hình sự. Ông H, bà H1 xác định số tiền 600.000.000 đồng chuyển cho ông P là tiền cho vay, không phải là tiền đầu tư cùng mua đất như ông P, bà C1 trình bày. Ông H, bà H1 khởi kiện yêu cầu ông P, bà C1 phải trả số tiền 600.000.000 đồng gốc và 175.000.000 đồng tiền lãi theo mức lãi suất của V1 tính từ ngày 25/10/2021 đến ngày 25/10/2024. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H, bà H1 tự nguyện rút yêu cầu tính lãi suất, chỉ yêu cầu ông P, bà C1 trả số tiền gốc là 600.000.000 đồng.

2. Bị đơn trình bày: Ngày 25/10/2021, ông H chuyển khoản cho ông P số tiền 600.000.000 đồng là đúng. Tuy nhiên đây là tiền ông H chuyển nhờ qua tài khoản của ông P tự nguyện góp vốn với ông P để mua đất của Nguyễn Thị H2, sinh năm 1990; địa chỉ xã C (nay là xã V), huyện K, tỉnh Hải Dương. H2 đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; ông P, bà C1 là bị hại và ông H, bà H1 là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Theo bản án Nguyễn Thị H2 phải bồi thường cho ông P, bà C1 số tiền 8.681.000.000 đồng. Đến nay, ông P, bà C1 chưa nhận được tiền bồi thường của chị H2. Theo nguyên tắc góp vốn lời ăn, lỗ chịu nên ông P, bà C1 không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1.

3. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 11 tháng 2 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương quyết định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H, bà H1. Buộc ông P, bà C1 phải trả cho ông H, bà H1 số tiền 600.000.000 đồng. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông H, bà H1 về việc buộc ông P, bà C1 phải trả số tiền lãi suất. Ngoài ra bản án còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 14/02/2025, bị đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên kháng cáo; các đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự trình bày nội dung như nêu ở trên và không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm; buộc bà C1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Trong vụ án này, nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất ngày 25/10/2021 ông P, bà C1 nhận của ông H, bà H1 số tiền 600.000.000 đồng thông qua chuyển khoản từ tài khoản của ông H tại V1 đến tài khoản của ông P tại A nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại Sao kê chi tiết giao dịch do V1 cung cấp (BL11) không thể hiện nội dung việc chuyển tiền của ông H cho ông P cụ thể là gì. Ông P, bà C1 xác định giữa hai bên có thỏa thuận góp tiền đầu tư mua đất chung của Nguyễn Thị H2 và đã bị chiếm đoạt nhưng ngoài lời khai ông P, bà C1 không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh, trong khi ông H, bà H1 không thừa nhận. Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 69/2024/HS-ST ngày 20/9/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử đối với bị cáo Nguyễn Thị H2 về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản đã xác định: Việc ông H chuyển cho ông P, bà C1 600.000.000 đồng là giao dịch dân sự giữa bà C1 và ông H, không liên quan đến bị cáo H2. Ông H chưa bao giờ làm việc hay giao dịch trực tiếp với bị cáo H2 nên không giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp các đương sự có thể khởi kiện bằng vụ án dân sự khác. Bản án sơ thẩm có kháng cáo về nội dung này, tại Bản án phúc thẩm số 203/2025/HS-PT ngày 20/3/2025 Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã cùng nhận định như trên và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đây là tình tiết đã được xác định trong bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật nên không phải chứng minh. Như vậy, việc vợ chồng ông H chuyển cho vợ chồng ông P số tiền 600.000.000 đồng, không liên quan đến Nguyễn Thị H2. Việc chuyển tiền giữa vợ chồng ông P và Nguyễn Thị H2 là quan hệ pháp luật khác đã được giải quyết bằng bản án có hiệu lực pháp luật. Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông H, bà H1, buộc vợ chồng ông P, bà C1 phải trả vợ chồng ông H, bà H1 số tiền 600.000.000 đồng là có căn cứ. Kháng cáo của vợ chồng ông P, bà C1 không được chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí phúc thẩm: Ông P trên 60 tuổi nên được miễn án phí, bà C1 phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị đơn Trần Công P và Nguyễn Thị C1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2025/DS-ST ngày 11 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

2. Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trần Công P. Buộc bà Nguyễn Thị C1 phải chịu 300.000đồng án phí dân sự phúc thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng bà C1 đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006628 ngày 07/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; bà C1 đã nộp đủ án phí.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- TAND huyện Kim Thành;
- Chi cục THADS huyện Kim Thành;
- Lưu: HS, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trần Hữu Hiệu